

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày : 13 – 5 - 2020

*V/v: Tranh chấp về*

*hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

**- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải An.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hưng.  
2. Ông Bùi Ngọc Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Cường – C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Đăng K - Sinh năm: 1987 (Có mặt).  
Trú tại: Số xz đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị Thùy T – sinh năm: 1990 (Vắng mặt)  
Trú tại: Liên gia x, thôn z, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.  
Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Đăng K trình bày:***

Tôi và cô Lê Thị Thùy T chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 01 con chung là cháu Trần Lê Thiên B – sinh ngày 13/12/2015.

Quá trình chung sống, chúng tôi chung sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, không tìm

được tiếng nói chung, giữa hai bên không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung cũng không thể tiếp tục duy trì nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Lê Thị Thùy T.

Về con chung: Tôi đồng ý để con chung là cháu Trần Lê Thiên B cho cô Lê Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.500.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn bà Lê Thị Thùy T trình bày:*** Tôi và anh Trần Đăng K chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 01 con chung là cháu Trần Lê Thiên B – sinh ngày 13/12/2015.

Quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau. Khi xảy ra cãi vã, anh K còn có hành vi đánh tôi. Hai bên gia đình có họp lại để hòa giải, hàn gắn cho chúng tôi nhưng không thành. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh Trần Đăng K đề nghị ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng trực tiếp con chung là cháu Trần Lê Thiên B. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trình bày quan điểm:***

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung nhận thấy: Ông Trần Đăng K và bà Lê Thị Thùy T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, giữa hai bên đều thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn gia đình mà cho đến nay không thể hàn gắn được. Đồng thời, các bên không còn duy trì đời sống chung từ năm 2016 cho đến nay và đều đồng ý ly hôn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng K. Ông Trần Đăng K được

ly hôn với bà Lê Thị Thùy T. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Trần Lê Thiên B – sinh ngày 13/12/2015 cho bà Trang tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Trần Đăng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định: Ông Trần Đăng K và bà Lê Thị Thùy T chung sống với nhau từ năm 2015 và tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận số 63 ngày 11/5/2015. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận trong thời gian chung sống đã phát sinh những mâu thuẫn từ năm 2015 mà cho đến nay không thể hòa giải và hàn gắn được. Xét mâu thuẫn gia đình giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời đời sống chung đã không còn được duy trì. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đăng K.

Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Trần Lê Thiên B – sinh ngày 13/12/2015. Hiện nay, các đương sự đều thống nhất giao con chung cho bà Lê Thị Thùy T nuôi dưỡng trực tiếp. Xét thấy, việc thống nhất về việc nuôi dưỡng con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Thùy T yêu cầu ông Trần Đăng K cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/ tháng. Xét yêu cầu trên là phù hợp với thực tế và ông Trần Đăng K đồng ý với mức cấp dưỡng nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Đăng K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Ông Khoa còn phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đăng K. Ông Trần Đăng K được ly hôn với bà Lê Thị Thùy T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Lê Thiên B – sinh ngày 13/12/2015 cho bà Lê Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Đăng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.500.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Trần Đăng K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Đăng K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005825 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Ông Trần Đăng K còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hải An**